TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Xuân P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 05-02-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Xuân P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, quận Đ), thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu, vợ, chồng chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Trong quá trình chung sống, bà và ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, xúc phạm nhau và đánh nhau. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng

nói chung, ông P tính tình nóng nảy, sống gia trưởng, chuyên quyền, độc đoán, không có trách nhiệm với vợ, con. Nhiều lần bà và các con góp ý nhưng ông P không nghe. Khi không vừa ý với bà việc gì là ông P lại có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm bà thậm tệ. Nhiều năm nay, vì các con nên bà đã cố gắng nhẫn nhục chịu đựng nhưng ông P ngày càng coi thường bà, nhiều khi còn đánh đập bà một cách vô cớ dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ đầu năm 2020 đến nay, tuy bà và ông P sống chung một nhà nhưng việc ai người đó làm, vợ chồng ăn riêng, không còn liên quan đến nhau cả về tình cảm và kinh tế. Đến nay, bà thấy không thể tiếp tục chung sống với ông P được nữa nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn ông P.

- Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung là Đỗ Thị S, sinh năm 1991 và Đỗ Xuân H, sinh năm 1996. Chị S và anh H đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho ông P theo quy định nhưng ông P không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không có bản khai của ông P.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi bà N và ông P cư trú và sự xác nhận của những người thân trong gia đình ông P cho thấy: Bà N và ông P chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau. Ông P sống không có trách nhiệm với vợ, con; thường có nhưng lời lẽ xúc phạm, chửi bới đánh đập bà N. Gia đình, vợ, con đã góp ý nhiều lần nhưng ông P không thay đổi phong cách sống, vẫn thường xuyên gây gổ, xúc phạm và đánh bà N dẫn cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, bà N và ông P không còn quan tâm đến cuộc sống chung, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau nữa.

Do bà N đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Ông P vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho ông P theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn ông P.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông P. Về tài sản chung, bà N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là ông Đỗ Xuân P, cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường M, quận Đ1, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 22-5-2020, ông P vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, thông báo cho ông P về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, ông P vẫn vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

Về hôn nhân:

[3] Bà N và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, quận Đ1), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 24-12-2002. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Trước đây, bà N và ông P chung sống hòa thuận. Đến khoảng từ đầu năm 2019, do ông P sống không có trách nhiệm với vợ, con, có lối sống gia trưởng nên giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau và đánh nhau. Ông P thường xuyên có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm và đánh đập bà N một cách vô cớ. Do đó, cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc. Gia đình cùng các con của bà N và ông P cũng đã khuyên, góp ý nhiều lần nhưng ông P vẫn không thay đổi, tình trạng hôn nhân của ông bà vẫn không thể cải thiện được. Từ đầu năm 2020 đến nay, bà N và ông P không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai

người ấy làm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Khoảng hơn 01 năm nay, bà N đã phải chịu đựng tình trạng bạo lực gia đình từ phía ông P, Xét thấy, bà N và ông P không còn quan tâm đến nhau; không thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà N và ông P có 02 con chung là Đỗ Thị S, sinh năm 1991 và Đỗ Xuân H, sinh năm 1996. Chị S và anh H đã thành niên nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà N có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông P vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị N được ly hôn ông Đỗ Xuân P.

2. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0009583 ngày 06-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức; quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Viện **Nguyễn Thị Loan** **Vũ Trọng Đạt**